



Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2017

GIỚI THIỆU LUẬT THỦY LỢI SỐ 08/2017/QH14

Ngày 19 tháng 6 năm 2017, kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14.

Đây là dự án luật được xã hội quan tâm, có 56 Đoàn đại biểu Quốc hội và các Hội nghề nghiệp ở Trung ương và địa phương gửi văn bản góp ý. Luật Thủy lợi được xây dựng thay thế Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001 mở rộng phạm vi điều chỉnh bao quát hoạt động thủy lợi. Luật Thủy lợi quy định các nội dung mới tạo động lực cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thủy lợi nhằm phát triển thủy lợi bền vững, phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, dân sinh. Một số hoạt động thủy lợi chưa được quy định tại Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đã được Luật Thủy lợi quy định lần này, như: chiến lược, quy hoạch, điều tra cơ bản thủy lợi; nội dung đặc thù của công tác đầu tư xây dựng công trình thủy lợi; giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; vận hành hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi ...

Luật Thủy lợi gồm 10 Chương và 60 Điều, quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình thủy lợi; quản lý, khai thác công trình thủy lợi và vận hành hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi; dịch vụ thủy lợi; bảo vệ và bảo đảm an toàn công trình thủy lợi; thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thủy lợi; trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi.

Những nội dung chính của Luật Thủy lợi, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Hoạt động thủy lợi có tính đan xen với các ngành kinh tế khác, có nhiệm vụ chính là tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh. Tuy nhiên, công trình thủy lợi là công trình phục vụ đa mục tiêu, ngoài cấp nước cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối còn kết hợp cấp, tiêu, thoát nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế khác; góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Quan điểm xây dựng Luật Thủy lợi để hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý nguồn nước, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống luật hiện hành, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

2. Xã hội hóa trong đầu tư xây dựng công trình thủy lợi (Điều 15 đến Điều 18)

Trong thời gian qua, nhiều công trình thủy lợi lớn đã được đầu tư xây dựng, đưa vào khai thác phục vụ sản xuất, dân sinh. Tuy nhiên, đến năm 2020, khi kết thúc kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020, nhu cầu đầu tư công trình thủy lợi

lớn sẽ không còn nhiều. Mặc dù vậy, nhu cầu đầu tư, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng còn rất lớn nhằm phát huy, nâng cao hiệu quả của các công trình thủy lợi đầu mối đã được đầu tư xây dựng, mở rộng diện tích đất canh tác nông nghiệp được tưới từ công trình thủy lợi.

Luật Thủy lợi quy định rõ nguyên tắc trong đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, trong đó, Nhà nước chỉ tập trung đầu tư các công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi lớn; công trình thủy lợi khó huy động các nguồn lực xã hội; công trình thủy lợi kết hợp phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai; công trình thủy lợi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu (khoản 2 Điều 15).

Để tăng cường vai trò và trách nhiệm của người sử dụng nước, Luật Thủy lợi đã thể chế hóa các quy định hiện hành về trách nhiệm của người sử dụng nước trong việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng (khoản 3 Điều 15). Đồng thời, Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho người sử dụng nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng tùy theo vùng, miền và điều kiện kinh tế (khoản 3 Điều 4). Quy định tại Luật Thủy lợi phù hợp với các chính sách hỗ trợ hiện hành, như: chính sách kiên cố hóa kênh mương; chính sách trạm bơm điện Đồng bằng sông Cửu Long; chính sách khuyến khích làm thủy lợi nhỏ ở một số địa phương.

Luật quy định Nhà nước khuyến khích đầu tư theo hình thức PPP đối với công trình thủy lợi có khả năng thu hồi vốn (khoản 4 Điều 15).

3. Chuyển từ “phí” sang “giá” (Điều 34 đến 35)

Luật Thủy lợi quy định chuyển “phí” sang “giá” sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nhằm thể chế hóa các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước.

Cơ chế giá quy định tại Luật là cơ sở pháp lý để thu đúng, thu đủ từ các dịch vụ thủy lợi phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng thu cho ngân sách nhà nước để tập trung đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi cho khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa trong bối cảnh ngân sách nhà nước có hạn, nhu cầu đầu tư xây dựng công trình thủy lợi còn rất lớn, trong điều kiện biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn gay gắt và yêu cầu sử dụng nước ngày càng cao. Đồng thời, cơ chế giá sẽ khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế khác tham gia hoạt động thủy lợi, tạo động lực cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tốt hơn và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Thực hiện cơ chế giá sẽ làm thay đổi nhận thức của xã hội, từ thủy lợi “phục vụ” sang “dịch vụ”; gắn trách nhiệm của bên cung cấp dịch vụ thủy lợi và bên sử dụng dịch vụ thủy lợi; giúp người sử dụng dịch vụ hiểu rõ bản chất nước là hàng hóa, coi dịch vụ thủy lợi là chi phí đầu vào trong sản xuất, nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời, Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không phân biệt nguồn vốn đầu tư; kinh phí hỗ trợ được ngân sách nhà nước bảo đảm; Chính phủ sẽ quy định cụ thể nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện, bảo đảm ổn định trong phát triển sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân nông thôn.

